

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu:

1.1. Giới thiệu về dự toán mua sắm:

- Dự toán mua sắm: Bốc xếp, vận chuyển than bằng ô tô, chế biến than và sản phẩm ngoài than tại các kho than khu vực Nam Thái Ninh, Đông Tiền Hải - Hưng Yên năm 2026-2027 (BXVCCB02/2026-2027).

- Tên Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin.

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin.

- Nội dung, mục tiêu: Bốc xếp, vận chuyển than bằng ô tô, chế biến than và sản phẩm ngoài than tại các kho than khu vực Nam Thái Ninh, Đông Tiền Hải - Hưng Yên năm 2026-2027.

- Địa điểm thực hiện:

+ Kho than Tiền Hải, Phân xưởng Chế biến và Kinh doanh than Tiền Hải trực thuộc Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin, có địa chỉ tại: Thôn Xuân Hòa, xã Nam Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên;

+ Cửa hàng chế biến và trung chuyển than Thái Thọ, Trạm chế biến và trung chuyển than Thái Hà, Công ty Kinh doanh than Hà Nam Ninh, có địa chỉ tại: Thôn Xuân Hòa, xã Nam Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên;

+ Cửa hàng chế biến và trung chuyển than Đông Quý, Trạm chế biến và trung chuyển than Thái Hà, Công ty Kinh doanh than Hà Nam Ninh, có địa chỉ tại: Thôn Trà Lý, xã Đông Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên.

1.2. Giới thiệu về gói thầu:

- Tên gói thầu: Bốc xếp, vận chuyển than bằng ô tô, chế biến than và sản phẩm ngoài than tại các kho than khu vực Nam Thái Ninh, Đông Tiền Hải - Hưng Yên năm 2026-2027 (BXVCCB02/2026-2027).

- Giá gói thầu: 582.927.453.900 đồng (đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí, chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh 10%).

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 90 ngày.

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV/2025.

- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 24 tháng.

- Tùy chọn mua thêm: 30% của khối lượng hạng mục dịch vụ tương ứng:

STT	Hạng mục	Khối lượng (tấn)				Tỷ lệ phần trăm (%)
		Kho than Tiền Hải	Cửa hàng Thái Thọ	Cửa hàng Đông Quý	Tổng cộng	
1	Bóc xếp than từ phương tiện vận tải thủy lên cầu cảng hoặc lên ô tô.	906.000	872.100	218.100	1.996.200	30%
2	Bóc xếp than từ ô tô hoặc cầu cảng xuống phương tiện vận tải thủy.	906.000	872.100	218.100	1.996.200	30%
3	Bóc xếp than từ kho bãi chứa than lên ô tô.	906.000	872.100	218.100	1.996.200	30%
4	Vận chuyển than từ cầu cảng vào kho bãi chứa than.	906.000	872.100	218.100	1.996.200	30%
5	Vận chuyển than từ kho bãi chứa than ra cầu cảng.	906.000	872.100	218.100	1.996.200	30%
6	Vun gom, cón đồng than mua nhập kho.	271.800	261.630	65.430	598.860	30%
7	Tuyển rửa than.	6.000			6.000	30%
8	Sàng than.	3.000			3.000	30%
9	Nghiên than.	3.000			3.000	30%
10	Pha trộn than (01).	840.000	763.200	190.800	1.794.000	30%
11	Pha trộn than (02).	60.000	108.900	27.300	196.200	30%
12	Phoi và nghiền than bùn.	3.000			3.000	30%

2. Mục tiêu công việc:

- Bốc xếp, vận chuyển than bằng ô tô, chế biến than và sản phẩm ngoài than tại các kho than khu vực Nam Thái Ninh, Đông Tiền Hải - Hưng Yên năm 2026-2027.

- Đảm bảo cung cấp phương tiện, thiết bị và nhân sự để thực hiện bốc xếp, vận chuyển than bằng ô tô, chế biến than và sản phẩm ngoài than tại các kho được kịp thời, theo đúng yêu cầu về tiến độ, trong mọi trường hợp không để xảy ra tình trạng thiếu phương tiện, thiết bị và nhân sự.

- Tổng khối lượng mời thầu dự kiến thực hiện trong 24 tháng (trong năm 2026-2027) như sau:

STT	Dịch vụ	Khối lượng dự kiến năm 2026-2027 (tấn)			
		Kho than Tiền Hải	Cửa hàng Thái Thọ	Cửa hàng Đông Quý	Tổng cộng
1	Bốc xếp than từ phương tiện vận tải thủy lên cầu cảng hoặc lên ô tô.	3.020.000	2.907.000	727.000	6.654.000
2	Bốc xếp than từ ô tô hoặc cầu cảng xuống phương tiện vận tải thủy.	3.020.000	2.907.000	727.000	6.654.000
3	Bốc xếp than từ kho bãi chứa than lên ô tô.	3.020.000	2.907.000	727.000	6.654.000
4	Vận chuyển than từ cầu cảng vào kho bãi chứa than.	3.020.000	2.907.000	727.000	6.654.000
5	Vận chuyển than từ kho bãi chứa than ra cầu cảng.	3.020.000	2.907.000	727.000	6.654.000
6	Vun gom, cón đống than mua nhập kho.	906.000	872.100	218.100	1.996.200
7	Tuyển rửa than.	20.000			20.000
8	Sàng than.	10.000			10.000
9	Nghiền than.	10.000			10.000
10	Pha trộn than (01).	2.800.000	2.544.000	636.000	5.980.000

11	Pha trộn than (02).	200.000	363.000	91.000	654.000
12	Phoi và nghiền than bùn.	10.000			10.000

Hàng hóa bốc xếp, vận chuyển, chế biến: Than, sản phẩm ngoài than các loại.

- Khối lượng và tiến độ bốc xếp, vận chuyển than bằng ô tô, chế biến than và sản phẩm ngoài than nêu trên là dự kiến. Khối lượng và tiến độ bốc xếp, vận chuyển than bằng ô tô, chế biến than và sản phẩm ngoài than có thể thay đổi theo yêu cầu thực tế của Chủ đầu tư. Trong quá trình thực hiện, Chủ đầu tư sẽ thông báo cho Nhà thầu kế hoạch bốc xếp, vận chuyển than bằng ô tô, chế biến than và sản phẩm ngoài than của từng tháng, từng lô hàng/từng phương án chế biến để Nhà thầu cân đối bố trí phương tiện, thiết bị và nhân sự.

- Nhà thầu cam kết bố trí phương tiện, thiết bị và nhân sự để thực hiện bốc xếp, vận chuyển than bằng ô tô, chế biến than và sản phẩm ngoài than đảm bảo theo kế hoạch do Chủ đầu tư yêu cầu. Trường hợp không cân đối bố trí được phương tiện, thiết bị và nhân sự, Nhà thầu được phép sử dụng phương tiện, thiết bị thay thế có đặc tính kỹ thuật tương đương với các phương tiện, thiết bị đề xuất trong hồ sơ đề xuất kỹ thuật và nhân sự thay thế phù hợp nhưng phải được sự đồng ý của Chủ đầu tư.

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

3.1. Yêu cầu chung

- An toàn lao động và vệ sinh môi trường: Nhà thầu có biện pháp an toàn lao động và vệ sinh môi trường hợp lý, đầy đủ khả thi.

- An toàn phòng chống cháy nổ: Nhà thầu có biện pháp bảo đảm phòng chống cháy nổ hợp lý, khả thi. Trang bị hệ thống Phòng cháy chữa cháy theo quy định về phòng chống cháy nổ.

- Có quy trình ứng phó khi sự cố xảy ra nếu có. Trong đó nêu rõ biện pháp khắc phục sự xảy ra nếu có.

3.2. Yêu cầu về phương tiện, thiết bị sử dụng trong quá trình cung cấp dịch vụ

- Phương tiện, thiết bị của Nhà thầu khi tham gia đấu thầu: Kê khai thông tin về các phương tiện, thiết bị dự kiến huy động để thực hiện gói thầu theo quy định.

- Phương tiện, thiết bị của Nhà thầu khi triển khai thực hiện gói thầu: bảo đảm huy động các loại phương tiện, thiết bị cần thiết (sở hữu hoặc thuê mua) để đáp ứng công việc của gói thầu, cụ thể:

+ Nếu thuộc sở hữu của Nhà thầu, yêu cầu Nhà thầu phải có bản sao công chứng hoặc chứng thực giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, thiết bị (nếu có) hoặc hợp đồng mua bán hoặc hóa đơn hoặc các tài liệu khác chứng minh chủ sở hữu,...

+ Nếu đi thuê phương tiện, thiết bị yêu cầu Nhà thầu có bản sao công chứng hoặc chứng thực hợp đồng thuê phương tiện, thiết bị kèm theo bản sao công chứng hoặc chứng thực tài liệu chứng minh sở hữu phương tiện, thiết bị của bên cho thuê.

- Phương tiện, thiết bị bóc xếp, vận chuyển than bằng ô tô, chế biến than và sản phẩm ngoài than tại mỗi kho than đảm bảo:

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Yêu cầu tối thiểu cần có		
		Tại Kho than Tiền Hải	Tại Cửa hàng Thái Thọ	Tại Cửa hàng Đông Quý
1	Máy xúc: có đầy đủ giấy tờ để được phép hoạt động theo quy định. Trong trường hợp Nhà thầu có băng tải rót than thì 01 băng tải có thể thay thế cho 01 máy xúc, số lượng tối đa băng tải được phép thay thế là 01 băng tải.	- Số lượng tối thiểu: 09 cái; - Tổng công suất bóc xếp, vun gom côn đồng tối thiểu: 1.400 tấn/giờ.	- Số lượng tối thiểu: 09 cái; - Tổng công suất bóc xếp, vun gom côn đồng tối thiểu: 1.340 tấn/giờ.	- Số lượng tối thiểu: 05 cái; - Tổng công suất bóc xếp, vun gom côn đồng tối thiểu: 340 tấn/giờ.

2	Ô tô ben tự đổ: trọng tải tối thiểu 07 tấn/ô tô, có đầy đủ giấy tờ để được phép hoạt động theo quy định.	- Số lượng tối thiểu: 11 cái; - Tổng trọng tải hàng các xe tối thiểu: 155 tấn.	- Số lượng tối thiểu: 11 cái; - Tổng trọng tải hàng các xe tối thiểu: 145 tấn.	- Số lượng tối thiểu: 05 cái; - Tổng trọng tải hàng các xe tối thiểu: 40 tấn.
3	Hệ thống tuyển rửa.	- Số lượng tối thiểu: 01 hệ thống; - Tổng công suất tối thiểu: 10 tấn/giờ.		
4	Hệ thống sàng than.	- Số lượng tối thiểu: 01 hệ thống; - Tổng công suất tối thiểu: 10 tấn/giờ.		
5	Hệ thống nghiền than.	- Số lượng tối thiểu: 01 hệ thống; - Tổng công suất tối thiểu: 10 tấn/giờ.		
6	Hệ thống pha trộn đồng bộ.	- Số lượng tối thiểu: 01 hệ thống; - Tổng công suất tối thiểu: 530 tấn/giờ.	- Số lượng tối thiểu: 01 hệ thống; - Tổng công suất tối thiểu: 510 tấn/giờ.	- Số lượng tối thiểu: 01 hệ thống; - Tổng công suất tối thiểu: 130 tấn/giờ.

- Cam kết các phương tiện, thiết bị có đầy đủ hồ sơ, giấy tờ để được phép hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Yêu cầu về nhân sự khi thực hiện dịch vụ

- Các nhân sự có đầy đủ sức khỏe và trong độ tuổi theo quy định của pháp luật.
- Có các chứng chỉ/chứng nhận vận hành phương tiện, thiết bị phù hợp với vị trí công việc đảm nhận theo quy định của pháp luật.
- Đảm bảo nhân sự thay thế trong trường hợp khẩn cấp/đột xuất để đảm bảo khối lượng dịch vụ.
- Cam kết các nhân sự thực hiện gói thầu đáp ứng đầy đủ các quy định của

pháp luật có liên quan.

- Đảm bảo nhân sự được đào tạo lành nghề và phù hợp với vị trí đảm nhận trong gói thầu, được bảo hộ an toàn lao động trong quá trình thực hiện dịch vụ.

- Các nhân sự thường xuyên được đào tạo về các quy định an toàn lao động, vệ sinh lao động; hướng dẫn quy trình ứng phó khi xảy ra sự cố, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp thông thường Nhà thầu chịu trách nhiệm về việc quản lý và triển khai nhân lực đảm bảo hiệu quả công việc hàng ngày, hàng giờ, đảm bảo đáp ứng Yêu cầu về kỹ thuật, tiến độ của E-HSMT. Trường hợp đặc biệt Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu rút ngắn tiến độ từng khâu để đảm bảo tiến độ của Chủ đầu tư. Nhà thầu phải đảm bảo khả năng huy động để đáp ứng tính cấp thiết khi có yêu cầu. Nhà thầu phải bố trí nhân sự đảm bảo đạt yêu cầu tối thiểu cho từng vị trí, chức danh để thực hiện gói thầu đạt yêu cầu kỹ thuật, chất lượng, tiến độ và hiệu quả kinh tế. Trường hợp cần thiết Chủ đầu tư có thể yêu cầu và Nhà thầu phải bố trí nhân sự của Nhà thầu có mặt để chứng minh khả năng huy động nhân sự của Nhà thầu tham gia gói thầu này.

3.4. Yêu cầu đối với việc thực hiện dịch vụ

3.4.1. Yêu cầu đối với các dịch vụ bốc xếp, vận chuyển than bằng ô tô tại kho

- Nhà thầu có trách nhiệm bố trí phương tiện, thiết bị, nhân sự để tiến hành bốc xếp, vận chuyển, vun gom, cón đóng theo đúng yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Nhà thầu tiến hành bốc xếp, vận chuyển, vun gom, cón đóng than đảm bảo theo đúng quy hoạch kho bãi của Chủ đầu tư, dọn kho theo yêu cầu của Chủ đầu tư sau khi hoàn thành công việc.

- Cung độ vận chuyển giữa kho và cầu cảng ≤ 1 km.

- Khối lượng vun gom, cón đóng than mua nhập kho được tính bình quân bằng 30% tổng khối lượng than mua nhập kho.

- Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp tránh thất thoát và ảnh hưởng đến chất lượng than trong quá trình thực hiện các công việc.

- Sau khi kết thúc công việc, Nhà thầu tiến hành nghiệm thu khối lượng công việc thực hiện với Chủ đầu tư.

3.4.2. Yêu cầu đối với các dịch vụ chế biến than, sản phẩm ngoài than tại kho

- Nhà thầu có trách nhiệm bố trí phương tiện, thiết bị, nhân sự để tiến hành các dịch vụ chế biến theo đúng yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Phạm vi công việc thực hiện và yêu cầu sản phẩm đầu ra:

STT	Dịch vụ	Phạm vi công việc thực hiện	Yêu cầu sản phẩm đầu ra	Ghi chú
1	Tuyển	Bốc xúc, vận chuyển cấp	Tuyển rửa	

	rửa than	liệu đầu vào; xác định khối lượng than đầu vào; tuyển rửa qua hệ thống tuyển rửa; bóc xúc, vận chuyển sản phẩm sau tuyển rửa về điểm tập kết; vun gom cón đồng; xác định khối lượng và giám định chất lượng than đầu ra.	được các chủng loại than theo yêu cầu.	
2	Sàng than	Bóc xúc, vận chuyển cấp liệu đầu vào; xác định khối lượng than đầu vào; sàng qua hệ thống sàng; bóc xúc, vận chuyển sản phẩm sau sàng về điểm tập kết; vun gom cón đồng; xác định khối lượng và giám định chất lượng than đầu ra.	Sàng phân loại tối thiểu được 02 sản phẩm đầu ra theo yêu cầu.	
3	Nghiên than	Bóc xúc, vận chuyển cấp liệu đầu vào; xác định khối lượng than đầu vào; nghiền qua hệ thống nghiền; bóc xúc, vận chuyển sản phẩm sau nghiền về điểm tập kết; vun gom cón đồng; giám định cỡ hạt than đầu ra.	Có thể nghiền ra được các loại cỡ hạt theo yêu cầu.	
4	Pha trộn than (01)	Bóc xúc, vận chuyển cấp liệu đầu vào; xác định khối lượng than đầu vào; pha trộn qua hệ thống pha trộn đồng bộ (bao gồm việc nghiền than trên cỡ về cỡ hạt ≤ 15 mm); bóc xúc, vận chuyển sản phẩm sau pha trộn về điểm tập kết; vun gom cón đồng; xác định khối lượng và giám định chất lượng than đầu ra.	Than sau pha trộn đạt tiêu chuẩn chất lượng, cỡ hạt theo TCVN.	Tỷ lệ than nhập khẩu (cỡ hạt 0-50 mm) vào pha trộn dưới 50%
5	Pha trộn than (02)	Bóc xúc, vận chuyển cấp liệu đầu vào; xác định khối lượng than đầu vào; pha trộn qua hệ thống pha trộn đồng bộ (bao gồm việc nghiền than trên cỡ về cỡ hạt ≤ 15	Than sau pha trộn đạt tiêu chuẩn chất lượng, cỡ hạt theo TCVN.	Tỷ lệ than nhập khẩu (cỡ hạt 0-50 mm) vào pha trộn từ 50% trở lên

		mm); bốc xúc, vận chuyển sản phẩm sau pha trộn về điểm tập kết; vun gom cón đống; xác định khối lượng và giám định chất lượng than đầu ra.		
6	Phơi và nghiền than bùn	Bốc xúc, vận chuyển ra khu vực phơi; xác định khối lượng than đầu vào; rải, phơi than bùn về độ ẩm tiêu chuẩn; bốc xúc, tiếp chuyển ra khu vực nghiền và cấp liệu vào nghiền; nghiền qua hệ thống nghiền; bốc xúc, vận chuyển sản phẩm sau nghiền về điểm tập kết; vun gom cón đống; xác định khối lượng và giám định chất lượng than đầu ra.	Sản phẩm thu hồi phải đạt độ ẩm $\leq 13\%$, cỡ hạt $\leq 15\text{mm}$, không vón cục.	

** Ghi chú:*

+ Các chủng loại than trước khi vào chế biến và sản phẩm sau chế biến căn cứ theo từng phương án chế biến của Chủ đầu tư để thực hiện.

+ Khoảng cách di chuyển trong kho: $\leq 1\text{km}$.

- Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp bảo quản hàng hóa, tránh thất thoát và ảnh hưởng đến chất lượng than trong suốt quá trình thực hiện dịch vụ đến khi hoàn thành và giao lại cho Chủ đầu tư. Dọn kho theo yêu cầu của Chủ đầu tư sau khi hoàn thành công việc.

- Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư chứng thư giám định chất lượng than sau chế biến của từng phương án chế biến than. Đơn vị cấp chứng thư giám định phải là một đơn vị giám định độc lập, có chức năng giám định theo quy định của pháp luật và được sự đồng ý của Chủ đầu tư.

- Sau khi hoàn thành chế biến đối với mỗi phương án chế biến, Nhà thầu tiến hành nghiệm thu khối lượng, chất lượng và lập biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng sản phẩm đầu ra của phương án đó với Chủ đầu tư.

3.4.3. Yêu cầu chung

- Nhà thầu phải phối hợp chặt chẽ với Chủ đầu tư trong quá trình thực hiện công việc. Tuân thủ sự điều hành của Chủ đầu tư trong quá trình hoạt động trong khu vực kho bãi của Chủ đầu tư. Cử đại diện có đủ thẩm quyền giải quyết công việc hàng ngày tại kho của Chủ đầu tư.

- Nhà thầu chịu trách nhiệm làm việc với đơn vị quản lý cảng để thực hiện các dịch vụ bốc xếp, vận chuyển than bằng ô tô, vun gom, cón đống trong phạm

vi quản lý của đơn vị quản lý cảng; chi trả các phí hạ tầng kho cảng liên quan (nếu có) cho đơn vị quản lý cảng như: phí vệ sinh chống bụi, chi phí điều hành tại cảng của đơn vị quản lý cảng, chi phí khấu hao của cảng...

3.5. Yêu cầu về khối lượng thanh toán

- Đối với khối lượng bốc xếp than từ phương tiện vận tải thủy lên cầu cảng hoặc lên ô tô tại cầu cảng, vận chuyển than nhập kho:

+ Than TCVN, TCCS: là khối lượng than nhập kho đã quy về độ ẩm trung bình theo TCVN, TCCS hiện hành.

+ Than nhập khẩu: là khối lượng than nhập kho được quy về độ ẩm 8,5%.

+ Sản phẩm ngoài than: là khối lượng sản phẩm ngoài than nhập kho theo độ ẩm thực tế.

- Đối với khối lượng bốc xếp, vận chuyển than xuất tiêu thụ (xuất bán cho khách hàng):

+ Than TCVN, TCCS: là khối lượng than xuất xuống/lên phương tiện cho khách hàng đã quy về độ ẩm trung bình theo TCVN, TCCS hiện hành.

+ Than nhập khẩu: là khối lượng than xuất xuống/lên phương tiện cho khách hàng được quy về độ ẩm 8,5%.

+ Sản phẩm ngoài than: là khối lượng sản phẩm ngoài than xuất xuống/lên phương tiện cho khách hàng theo độ ẩm thực tế.

- Đối với khối lượng vun gom, cón đóng than mua nhập kho:

+ Than TCVN, TCCS: bằng 30% khối lượng than nhập kho đã quy về độ ẩm trung bình theo TCVN, TCCS hiện hành.

+ Than nhập khẩu: bằng 30% khối lượng than nhập khẩu nhập kho được quy về độ ẩm 8,5%.

+ Sản phẩm ngoài than: bằng 30% khối lượng sản phẩm ngoài than nhập kho theo độ ẩm thực tế.

- Đối với khối lượng tuyển rửa, sàng, nghiền:

+ Than TCVN, TCCS:

- Than cám: là khối lượng than đưa vào chế biến được quy về độ ẩm 8,5%.

- Than cục: là khối lượng than đưa vào chế biến được quy về độ ẩm trung bình theo TCVN, TCCS hiện hành.

+ Than nhập khẩu: là khối lượng than đưa vào chế biến được quy về độ ẩm 8,5%.

+ Sản phẩm ngoài than: là khối lượng sản phẩm ngoài than theo độ ẩm thực tế đưa vào chế biến.

- Đối với khối lượng pha trộn than, sản phẩm ngoài than các loại: là khối lượng đưa vào pha trộn được quy về độ ẩm 8,5%.

- Đối với khối lượng phơi và nghiền than bùn các loại: là khối lượng than bùn đưa vào phơi và nghiền được quy về độ ẩm trung bình theo TCVN, TCCS hiện hành.

- Phương pháp xác định khối lượng: Bằng phương pháp cân, đo mớn nước phương tiện thủy, phương pháp đo khối nhân (x) trọng khối của than hoặc một phương pháp phù hợp khác theo quy định của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và quy định của pháp luật.

Lưu ý: Trường hợp các quy định về khối lượng thanh toán của Chủ đầu tư được quy định ở trên được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định về khối lượng thanh toán sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3.6. Yêu cầu khác

3.6.1. Các yêu cầu khác về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về nhân sự, phạm vi cung cấp, yêu cầu về tiến độ cung cấp, biện pháp triển khai, quy định kỹ thuật... theo quy định chi tiết tại Mục 2, Mục 3; Chương III: Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT.

3.6.2. Các yêu cầu khác về phương thức thanh toán, đối chiếu quy định tại Chương VI - Điều kiện chung và Chương VII - Điều kiện cụ thể của hợp đồng.

3.6.3. Các yêu cầu về năng lực tài chính và kinh nghiệm: Nhà thầu cam kết nếu trúng thầu thì huy động đảm bảo đủ kinh phí thực hiện hợp đồng theo tiến độ cam kết, thanh, quyết toán gói thầu theo đúng quy định.

3.6.4. Yêu cầu về bảo mật thông tin: Giữ bí mật và không được cung cấp cho bên thứ ba các nội dung, thông tin liên quan.

3.6.5. Yêu cầu khác:

Nhà thầu phải thực hiện và hoàn thiện tuân thủ các quy trình, quy phạm hiện hành của Việt Nam trong hoạt động bốc xếp, vận chuyển than bằng ô tô, chế biến than và sản phẩm ngoài than cũng như phù hợp với các điều kiện riêng của gói thầu.

Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chất ổn định, an toàn của tất cả các hoạt động, trong suốt thời gian thực hiện dịch vụ Nhà thầu phải:

- Quan tâm đầy đủ đến sức khỏe an toàn của người lao động. Đảm bảo trật tự an toàn khi thực hiện gói thầu không để xảy ra tình trạng nguy hiểm cho người lao động.

- Bằng mọi biện pháp hợp lý, Nhà thầu phải bảo vệ môi trường nhằm tránh gây thiệt hại về tài sản và người tại nơi làm việc và khu vực lân cận.

- Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc bảo vệ tài sản, nguyên vật liệu và máy móc thiết bị đưa vào sử dụng cho việc thực hiện gói thầu.

- Nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có xảy ra bất kỳ tổn thất hay hư hỏng nào đối với tài sản chung, người lao động, nguyên vật liệu, máy móc thiết bị thì Nhà thầu phải tự sửa chữa, bồi thường bằng chính chi phí của mình.

- Tổ chức thực hiện dịch vụ đạt yêu cầu kỹ thuật và theo đúng thời hạn hoàn thành đã nêu trong hồ sơ dự thầu được chấp thuận.

- Cung cấp những nhân sự lành nghề có kinh nghiệm và đủ năng lực đảm bảo thực hiện đúng nhiệm vụ và đúng thời hạn nghĩa vụ của Nhà thầu theo hợp đồng.

- Giám sát theo dõi những khối lượng do mình thực hiện trong thời gian thực hiện.

- Nếu Chủ đầu tư nhận thấy không thể chấp nhận những đại diện của Nhà thầu mà theo ý kiến của Chủ đầu tư người đó có hành vi sai phạm hoặc không có năng lực hay không thực hiện đúng nhiệm vụ thì Nhà thầu cần thay thế nhân sự khác phù hợp.

- Nhà thầu phải báo cáo các chi tiết về bất kỳ tai nạn, hư hỏng hoặc sự cố khẩn cấp nào trong quá trình triển khai. Trong trường hợp có tai nạn nghiêm trọng, hoặc sự cố khẩn cấp, Nhà thầu phải báo cáo ngay lập tức bằng các phương tiện nhanh nhất sẵn có.

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;
2. Kế hoạch công tác.

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ cung cấp:

Mục này quy định về quy trình kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ, trình tự thủ tục nghiệm thu (nếu có)... để phục vụ công tác thanh, quyết toán hợp đồng.

a) Quy trình kiểm tra và đánh giá chất lượng: Tuân thủ theo hợp đồng đã ký kết giữa hai bên.

b) Quy trình nghiệm thu dịch vụ:

- Việc đối chiếu, xác nhận khối lượng thanh toán được thực hiện theo tháng.
- Quy trình nghiệm thu dịch vụ: Tuân thủ theo hợp đồng đã ký kết giữa hai bên.

Các quy định khác sẽ được xác định trong quá trình hoàn thiện hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.